

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS - ST
Ngày 01/11/2019
V/v: “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC- TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Thuyên

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST- DS, ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: 130 P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí M.

Người đại hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng M- Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Quảng Ngãi- Phòng giao dịch Đ. Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 387/QĐ-DAB-PC, ngày 28/3/2019)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc H

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Trung đoàn BB 2, Sư Đoàn 3

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Trung đoàn trưởng

- Ông Nguyễn Sơn H - Nguyên là tài vụ Trung đoàn BB 2, Sư Đoàn 3

- Ông Hà Thanh L - Nguyên là Trung đoàn trưởng Trung đoàn BB 2, Sư Đoàn 3

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn H có mặt tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh L, ông Phạm văn H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, các lời khai tại Tòa án Nhân dân huyện Mộ Đức và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đăng M trình bày:* Ngày 11/5/2013 ông Huỳnh Ngọc H có vay tại ngân hàng Đ số tiền 50.000.000đ. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 10,8%, phương thức trả nợ vốn và lãi: trả vốn và lãi hàng tháng mỗi tháng trả 1.840.000đ, tháng cuối trả 1.800.000đ. Trong quá trình thực hiện khế ước vay từ ngày 11/5/2013 đến ngày 28/8/2018 ông Hải chỉ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 36.195.676đ, lãi trong hạn 15.324.324đ. Số tiền còn lại ông Hải chưa thanh toán cho ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 23.386.383 đồng. Trong đó, nợ gốc: 13.804.324 đồng, nợ lãi trong hạn 875.676 đồng, nợ lãi quá hạn 8.706.383 đồng, tính đến ngày 01/11/2019 và tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi anh H trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng vay.

** Qua các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức bị đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:* Ngày 11/5/2013 ông có vay tiền tại ngân hàng Đ với số tiền 50.000.000đ, vào thời điểm vay tiền ông đang công tác tại Trung đoàn BB2, Sư đoàn 3. Khi vay tiền giữa ngân hàng và đơn vị nơi ông đang công tác có liên kết với nhau trong việc cho các quân nhân trong đơn vị vay tiền. Đơn vị ông có trách nhiệm thu tiền của các quân nhân và hàng tháng đóng tiền vay cho các quân nhân tại ngân hàng. Trường hợp của ông cũng như vậy, cuối tháng bên tài chính của đơn vị sẽ trích tiền lương của ông để chi trả cho ngân hàng. Vào tháng 7/2013 ông xuất ngũ và khi ông xuất ngũ thì các khoản tiền mà đơn vị chi trả cho ông khi xuất ngũ ông không trực tiếp nhận nhưng đơn vị tự ý giữ lại và dùng số tiền ra quân của ông để trả từng tháng cho ngân hàng. Ông cứ nghĩ với số tiền xuất ngũ của ông lúc đó đủ để chi trả cho ngân hàng thế nhưng ông không biết giữa đơn vị và ngân hàng tính toán như thế nào mà tiền vay tại ngân hàng của ông chưa thanh toán hết, mà khi khoản vay của ông chưa trả hết thì ngân hàng và đơn vị của ông cũng không có ai thông báo cho ông biết về vấn đề đó. Đến cuối năm 2018 ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu ông trả nợ, sau đó vì lý do gì mà ngân hàng rút đơn. Nay ngân hàng yêu cầu ông trả nợ cho ngân hàng số tiền

nợ gốc: 13.804.324đ, lãi trong hạn 875.676đ, lãi quá hạn: 7.197.974đ tính đến ngày 16/4/2019. Tổng cộng là 21.859.974đ và tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi ông trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng vay, ông không đồng ý.

* Quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn H trình bày:

Tôi nguyên là tài vụ Trung đoàn BB 2, thời điểm tháng 6 năm 2013 tôi mới về đơn vị nhận bàn giao từ đồng chí Lê Quang H. Khi đó anh L có chỉ đạo là trả toàn bộ nợ tiền ngân hàng cho đồng chí H, ngoài ra đồng chí H nợ cá nhân ai thì người đó chịu. Tuy nhiên, tiền ra quân của đồng chí H khi đó về hai đợt, đồng chí H không nhận tôi cũng không biết xử lý như thế nào mà đồng chí L lúc đó không có ý kiến đốc thúc cho nên tôi chỉ lấy tiền của đồng chí Hải trả nợ hàng tháng cho ngân hàng, tôi trả cho đến năm 2015 thì hết tiền của đồng chí H. Tôi có thông báo cho Ngân hàng về tình hình như vậy, khi đó anh Lâm là giám đốc phòng giao dịch ở Đức Phổ có hứa là sẽ xin ngân hàng giảm số tiền còn lại cho đồng chí H nhưng sau đó thì tôi không nhận được thông tin gì từ ngân hàng nên từ tháng 9/2015 đến nay tôi không trả nợ cho khoản vay của đồng chí H.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh L trình bày: thời điểm năm 2013 tôi là Trung đội trưởng Trung đoàn BB 2, khi đó đơn vị có chủ trương hỗ trợ xác nhận cho cán bộ đơn vị vay tiền tại ngân hàng TMCP Đ. Khi đó đơn vị không biết việc đồng chí H sẽ ra quân vì quyết định ra quân của đồng chí H là do quân khu gửi về, cho nên đơn vị đã xác nhận cho đồng chí H vay tiền tại ngân hàng. Vào thời điểm đó khi đơn vị nhận được quyết định ra quân của đồng chí H thì đồng chí H đã không còn ở đơn vị, đồng chí H xin phép nghỉ trước đó. Do vậy, đồng chí H cũng không nhận quyết định ra quân. Đơn vị có tìm đến nhà đồng chí H để giao quyết định ra quân cho đồng chí H và giải quyết khoản nợ vay của đồng chí H tại ngân hàng. Do lúc đó đồng chí H không nhận tiền ra quân nên đơn vị đã giữ số tiền đó lại để chi trả khoản nợ vay của đồng chí Hải tại ngân hàng Đ. Tiền ra quân của đồng chí H trả nợ cho ngân hàng một lần thì số tiền nợ còn lại khoảng 3.000.000đ, đến 4.000.000đ mà số tiền này không thể sử dụng kinh phí của đơn vị để thanh toán cho ngân hàng. Đơn vị có làm việc với anh N là giám đốc phòng giao dịch ngân hàng Đ ở Đức Phổ thì anh N có đề nghị là để xin phép thủ trưởng cấp trên và xử lý khoản tiền nợ còn lại. Do vậy, số tiền nợ của đồng chí H chưa giải quyết dứt điểm vào thời điểm đó. Còn việc số tiền ra quân của đồng chí H sao không thanh toán một lúc cho ngân hàng mà phải trả hàng tháng thì do đồng chí tài vụ chịu trách nhiệm quản lý số tiền này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 03 Điều 26; Điều 147; khoản 02 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ Luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh L, đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về Giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ) ngày 11/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bị đơn Huỳnh Ngọc H.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bị đơn Huỳnh Ngọc H thừa nhận vào ngày 11/5/2013 bị đơn có vay của số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 13/5/2013 đến ngày 13/5/2016, lãi suất trong hạn là 10,8%/năm, lãi suất quá hạn 16,2%/năm, phương thức trả nợ vốn và lãi: trả vốn và lãi hàng tháng mỗi tháng trả 1.840.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), tháng cuối trả 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự,

công nhận Giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ) ngày 11/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bị đơn Huỳnh Ngọc H là có thật và hợp pháp.

[2.2] xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 23.386.383 đồng. Trong đó, nợ gốc: 13.804.324 đồng, nợ lãi trong hạn 875.676 đồng, nợ lãi quá hạn 8.706.383 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận vào ngày 11/5/2013 bị đơn có vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đức Phổ (sau đây viết tắt là DongA Bank) số tiền là 50.000.000 đồng về mục đích vay, lãi suất và thời hạn trả nợ gốc cũng như trả nợ lãi đã được quy định cụ thể trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 11/5/2013.

Bị đơn thừa nhận tháng 7/2013 bị đơn suất ngũ không còn công tác tại đơn vị, khi bị đơn xuất ngũ bị đơn không trực tiếp thông báo cho Ngân hàng, từ khi vay bị đơn chỉ trả tiền một kỳ đầu cho Ngân hàng, tại thời điểm vay tiền bị đơn công tác tại Ban hậu cần Trung đoàn BB 29, Sư đoàn 307.

Tại thời điểm vay giữa Ngân hàng và đơn vị nơi bị đơn công tác có ký kết một hợp đồng liên kết số T10.005/HĐ-TD, ngày 04/10/2010. Theo đó Ngân hàng cho quân nhân vay tiền thì đơn vị sẽ chịu trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng thu hồi nợ trong trường hợp cán bộ công nhân viên bỏ việc đột xuất.... Mặc khác, tại mục III trong giấy đăng ký vay tiền trả góp ghi ngày 11/5/2013 của ông Huỳnh Ngọc H phần cam kết của khách hàng vay có ghi: “Tôi đề nghị cơ quan hiện nay tôi đang công tác (và xác nhận cho tôi dưới đây): Hàng tháng trích từ tiền lương của tôi nộp đầy đủ tiền trả góp cho Ngân hàng; Sử dụng khoản tiền lương, trợ cấp thôi việc và toàn bộ các khoản được hưởng khác để ưu tiên thanh toán số tiền còn nợ vay cho Ngân hàng trong trường hợp tôi nghỉ việc hoặc chuyển công tác”.

Vì vậy, đơn vị đã giữ số tiền ra quân của bị đơn để thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Tuy nhiên, số tiền ra quân của bị đơn không đủ thanh toán hết khoản vay tại Ngân hàng mà chỉ mới thanh toán được tiền gốc là 36.195.676 đồng, lãi trong hạn 15.324.324 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 13.804.324 đồng và lãi phát sinh cho đến hiện nay bị đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng nên bị đơn đã vi phạm hợp đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 23.386.383 đồng. Trong đó, nợ gốc 13.804.324 đồng, nợ lãi trong hạn 875.676 đồng, nợ lãi quá hạn 8.706.383 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền nợ phải trả là 23.386.383 đồng x 5% = 1.169.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 03 Điều 26; Điều 147; khoản 02 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ Luật dân sự năm 2005; Các Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Buộc ông Huỳnh Ngọc H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/11/2019 theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ) ngày 11/5/2013 là 23.386.383 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng); trong đó nợ gốc là 13.804.324 đồng (Mười ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi trong hạn là 875.676 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 8.706.383 đồng (Tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong ông Huỳnh Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ) ngày 11/5/2013 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.169.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 546.500 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003900 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THA dân sự huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương